

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM MỸ  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/05/2024

V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thùy Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Hồ Viết Ân**

2/ Bà **Nguyễn Thị Thùy Linh**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Thái Học**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Chinh**, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 05 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 472/2023/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 05 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: ông Nguyễn Công B, sinh năm: 1960.

ĐKTT và nơi cư trú: tổ A, ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: bà Lê Thị T, sinh năm: 1963.

ĐKTT và nơi cư trú: tổ A, ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Ông B và bà Thanh vắng m và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn ông Nguyễn Công B trình bày: Trên cơ sở tự nguyện, năm 1984 ông Nguyễn Công B và bà Lê Thị Thanh chung sống với nhau như vợ chồng tại đội T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, nhưng không đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân lần đầu của ông bà. Đến năm 1989 vợ chồng con cái di cư vào làm kinh tế mới tại Nông trường H nay là xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1993 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông đi làm ăn xa thiếu sự quan tâm đến gia đình, nên vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm cãi vã. Do không thể tiếp tục chung sống nên vào năm 1993 bà T đã đưa các con về xã X, huyện X (nay là huyện C) sinh

sống làm kinh tế cho đến nay, ông bà cũng sống ly thân từ năm 1993 đến nay. Nay vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân đã lâu nên ông B đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bà Lê Thị T.

Về con chung: ông bà có 02 người con chung là anh Nguyễn Phi V, sinh ngày 02/5/1985 hiện đã trưởng thành và lập gia đình đang sinh sống cùng bà T, còn con chung là anh Nguyễn Công P, sinh ngày 01/12/1986 đã chết do tai nạn giao thông ngày 09/7/2012.

Về tài sản chung và nợ chung: ông B trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo biên bản lấy lời khai bị đơn bà Lê Thị T trình bày: Bà T thống nhất với trình bày của ông B về quá trình hôn nhân. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông B không chung thủy phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác và ông bà đã sống ly thân từ năm 1993 đến nay. Do không còn tình cảm, nên bà T đồng ý ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà T thống nhất với trình bày của ông B về con chung, hiện nay con chung là anh Nguyễn Phi V đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà T trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện C, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành pháp luật đồng thời nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Về đường lối giải quyết: Quan hệ vợ chồng giữa ông B và bà T được xác lập trước ngày 03/01/1987 nên ông bà vẫn được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp (hôn nhân thực tế) theo điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH1009/6/2000 của Quốc hội. Áp dụng các điều 51, 56 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ông Nguyễn Công B ly hôn với bà Lê Thị T; về con chung: đã trưởng thành nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung: đương sự khai không có, không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí sơ thẩm: theo quy định pháp luật.

Kiến nghị khắc phục: không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Nguyễn Công B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Lê Thị T. Bà T có nơi cư trú tại tổ A, ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ Điều 51

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử ông B và bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Công B và bà Lê Thị T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1984 đến năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn và có hai người con chung là anh Nguyễn Phi V, sinh năm 1985 và anh Nguyễn Công P, sinh năm 1986 (đã chết). Căn cứ điểm a Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 và điểm b Khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP06/01/2016, ông B và bà T chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03/01/1987 là hôn nhân thực tế và hợp pháp.

Qua quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ:

Ông B trình bày quá trình vợ chồng chung sống, xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm cãi vã nên đã sống ly thân từ năm 1993 đến nay. Bản thân bà T thừa nhận do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông B không chung thủy nên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn đã sống ly thân từ năm 1993 đến nay. Nay ông bà đều xác định là vợ chồng không còn tình cảm, đã sống ly thân từ lâu và đều thống nhất ly hôn. Từ đó xác định tình trạng hôn nhân giữa ông B và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn B1 là có cơ sở nên chấp nhận.

- Về con chung: ông bà có 02 người con chung là anh Nguyễn Phi V, sinh năm 1985 và anh Nguyễn Công P, sinh năm 1986 (đã chết). Hiện anh V đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông B1 và bà T đều thống nhất khai không có, không ai yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Công B phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Do ông Nguyễn Công B là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án, nên ông Nguyễn Công B được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm trên.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các điều 5, 6, 7 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

- Căn cứ điểm a Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 và điểm b Khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP06/01/2016;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công B.

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Công B được ly hôn bà Lê Thị T.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có, không ai yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Công B được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;

- VKSND huyện Cẩm Mỹ;

- THADS huyện Cẩm Mỹ;

- UBND xã Hiếu Liêm, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai;

- UBND xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Thị Thùy Trang**